

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 401/2019/DS-PT

Ngày: 05-11-2019

"V/v tranh chấp hợp đồng tặng
cho QSD đất và xác định quyền
sở hữu tài sản là QSD đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Giao.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Ông Đinh Chí Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và xác định quyền sở hữu tài sản là quyền sử dụng đất”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 394/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 384/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số A, đường P.H.L, Tổ B, khóm C, phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1946 (chết);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N:

2.1.1. Bà Vũ Thị N1, sinh năm 1946 (vợ ông N);

Địa chỉ: Số nhà E, đường N.T.H, Tổ G, khóm T.P, phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2.1.2. Anh Lê Vũ Đạt N2, sinh năm 1971 (con ông N);

Địa chỉ: Số H, đường N.T.H, Tổ G, khóm T.P, phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Đạt N2 là anh Lê Vũ Toại N3, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số nhà M, đường N.T.H, Tổ G, khóm T.P, phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền cùng ngày 29/10/2019).

2.1.3. Anh Lê Vũ Toại N3, sinh năm 1973 (con ông N);

Địa chỉ: Số nhà M, đường N.T.H, Tổ G, khóm T.P, phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2.1.4. Anh Lê Vũ Trí N4, sinh năm 1980 (con ông N);

Địa chỉ: Số nhà E, đường N.T.H, Tổ G, khóm T.P, phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Bà Vũ Thị N1, sinh năm 1946;

Địa chỉ: Số nhà E, đường N.T.H, Tổ G, khóm T.P, phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Anh Lê Vũ Trí N4, sinh năm 1980 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà E, đường N.T.H, Tổ G, khóm T.P, phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Lê Vũ Đạt N2, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số nhà H, đường N.T.H, Tổ G, khóm T.P, phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Anh Lê Vũ Toại N3, sinh năm 1973 (Có mặt);

Địa chỉ: Số nhà M, đường N.T.H, Tổ G, khóm T.P, phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Ủy ban nhân dân thành phố C (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Số N, đường O, Phường P, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4 (là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Phương T trình bày:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2015/DS-ST ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố C đã tuyên buộc anh Lê Vũ Trí N4 chịu trách nhiệm liên đới

cùng vợ là chị Nguyễn Ngọc C1 trả nợ cho bà Nguyễn Phương T số tiền 900.000.000 đồng và chịu án phí dân sự là 39.000.000 đồng, ngày 17/8/2016 hộ ông Lê Văn N và anh Lê Vũ Trí N4 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trong hộ đối với diện tích đất 98,6m² tại thửa 64, tờ bản đồ số 9, đất tọa lạc tại phường H.T, thành phố C cho hộ ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1 đứng tên.

Nay bà Nguyễn Phương T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên giữa hộ ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1 với anh Lê Vũ Trí N4, ngoài ra bà T còn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn N và bà Vũ Thị N1 ngày 31/8/2016 với lý do việc hộ ông Lê Văn N làm hợp đồng tặng cho trong hộ ngày 17/8/2016 là sau ngày bản án có hiệu lực pháp luật ngày 20/5/2016 theo đó là anh Lê Vũ Trí N4 có trách nhiệm trả cho bà T số tiền là 900.000.000 đồng và thời điểm trên anh Lê Vũ Trí N4 còn trong hộ ông Lê Văn N, việc tặng cho của Lê Vũ Trí Nhân như trên làm ảnh hưởng đến việc thi hành án cho bà Phương T cho nên nay bà Phương T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trên giữa ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1 với anh Lê Vũ Trí N4 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1 đứng tên ngày 31/8/2016 thuộc thửa 64, tờ bản đồ số 9, diện tích 98,6m², đất tọa lạc tại phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Trí N4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Vũ Toại N3, anh Lê Vũ Đạt N2 (đồng thời bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Trí N4, anh Lê Vũ Toại N3, Lê Vũ Đạt N2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn N) trình bày:

Việc bà Nguyễn Phương T yêu cầu: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn N là bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Đạt N2, anh Lê Vũ Toại N3, anh Lê Vũ Trí N4 xác nhận và cung cấp các giấy tờ cho Tòa án để chứng minh rằng Lê Vũ Trí N4 không có đóng góp để tạo lập nên phần đất trên không có quyền sở hữu, phần đất này do ông Lê Văn N và bà Vũ Thị N1 sở hữu từ năm 1978 từ khi chưa sinh anh Lê Vũ Trí N4 và Tòa án cũng chưa xác định sở hữu phần đất tại số E, đường N.T.H, phường H.T, thành phố C thuộc một phần sở hữu của Lê Vũ Trí N4.

Về hợp đồng tặng cho đối với phần đất thuộc thửa 64, tờ bản đồ số 9 tại số nhà E, đường N.T.H, phường H.T, thành phố C ngày 17/8/2016 là hợp đồng tặng cho trong gia đình với nội dung anh Lê Vũ Trí N4 từ chối không nhận sở hữu phần đất trên và nhường sở hữu lại cho cha và mẹ, việc thực hiện theo quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy công nhận.

Do đó, việc bà Nguyễn Phương T yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1 với anh Lê Vũ Trí N4 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lê Văn N và bà Vũ Thị N1 ngày 31/8/2016 tại thửa 64, tờ bản đồ số 9, diện tích 98,6m², đất tọa lạc tại phường H.T, thành phố C thì những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn N là bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Đạt N2, anh Lê Vũ Toại N3, anh Lê Vũ Trí N4 không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố C không có ý kiến và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 18/2019/QĐ-SCBSBA ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 124 của Bộ luật dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 27/02/2009.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Phương T về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/8/2016 tại thửa 64, tờ bản đồ số 9, diện tích 98,6m², đất tọa lạc tại phường H.T, thành phố C giữa ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1 với anh Lê Vũ Trí N4.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N về việc yêu cầu xác lập tài sản chung trong hộ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N là bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Trí N4, anh Lê Vũ Toại N3, anh Lê Vũ Đạt N2 phải cùng chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Văn N và bà Vũ Thị N1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 08421 ngày 14/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Phương T số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000124 ngày 13/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N là bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Trí N4, anh Lê Vũ Toại N3, anh Lê Vũ Đạt N2 phải chịu (ông N, bà N1 đã tạm ứng và chi xong).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 6 năm 2019 bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử. Bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Phương T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4 kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4; Tuy nhiên, cần phải sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, vì bản án sơ thẩm không tuyên đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố C thu hồi đối với thửa đất số 64 trên do ông N và bà N1 đứng tên để cấp lại cho những người thừa kế của ông N đứng tên theo quy định của pháp luật. Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng thẩm quyền và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định.

- Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa ngày 05/11/2019, bà Nguyễn Phương T, anh Lê Vũ Trí N4, Người đại diện theo ủy quyền cho bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Đạt N2 là anh Lê Vũ Toại N3 có mặt. Riêng Ủy ban nhân dân thành phố C có đơn đề nghị xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo nội dung kháng cáo: Bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4 kháng cáo yêu cầu Tòa án tỉnh Đồng Tháp xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phương T.

[3] Xét qua nội dung kháng cáo của bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4 là không có căn cứ nên không được chấp nhận kháng cáo, bởi lẽ: Tại thời điểm anh Lê Vũ Trí N4 làm hợp đồng tặng cho vào ngày 17/8/2016 đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 09 trên giữa anh Trí N4 với ông N và bà N1 thì Quyết định số: 09/2016/QĐ-PT ngày 20/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã đình chỉ phúc thẩm cho nên bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2015/DS-ST ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố C về việc tranh chấp hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Phương T và chị Nguyễn Ngọc C1 (Ngọc H1), anh Lê Vũ Trí N4 đã có hiệu lực từ ngày 20/5/2016. Điều đó, cho thấy hợp đồng tặng cho ngày 17/8/2016 trên là được lập sau ngày bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2015/DS-ST ngày 06/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố C đã có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, tại thời điểm làm hợp đồng tặng cho trên thì theo công văn Công an xác định tại thời điểm tặng cho thì anh Trí N4 còn trong hộ ông N; Mặt khác, theo Thông báo số: 1108/TB-CCTHA ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C đã Thông báo kết quả xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng trong khối tài sản chung đối với diện tích 98.6m² của thửa đất số 64, tờ bản đồ số 09 trên cho ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4 mỗi người được hưởng 1/3 giá trị đối với thửa đất số 64 trên, cho nên việc hợp đồng tặng cho ngày 17/8/2016 đối với thửa đất số 64 trên giữa anh Trí N4 với ông N và bà N1 là vô hiệu theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào ngày 17/8/2016 đối với thửa đất số 64 trên giữa anh Trí N4 với ông N, bà N1 là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4 là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[4] Do bản án sơ thẩm không tuyên đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố C thu hồi quyền sử dụng đất đối với diện tích 98.6m² thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 09 trên để cấp lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn N đứng tên theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần phải sửa một phần bản án sơ thẩm và đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp thu hồi quyền sử dụng đất đối với diện tích 98.6m² (đất ở đô thị) thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 09, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1 đứng tên ngày 31/8/2016 để cấp lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn N gồm: Bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Trí N4, Lê Vũ Đạt N2, Lê Vũ Toại N3 đứng tên theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4, đồng thời sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2019/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân thành phố C như Hội đồng xét xử đã nhận định trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N là bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Trí N4, anh Lê Vũ Toại N3, Lê Vũ Đạt N2 phải cùng chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Văn N và bà Vũ Thị N1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 08421 ngày 14/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm).

- Bà Nguyễn Phương T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Phương T theo quy định của pháp luật.

- Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần nên bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N là bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Trí N4, anh Lê Vũ Toại N3, Lê Vũ Đạt N2 phải chịu 1.591.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (ông N, bà N1 đã tạm ứng và đã chi xong).

[9] Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26; Điều 147; Điều 148 và khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị N1 và anh Lê Vũ Trí N4.
2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2018/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Phương T về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/8/2016 giữa bên tặng cho ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1, ông Lê Vũ Trí N4 với bên được tặng cho ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1 tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 9, diện tích 98,6m² (đất thổ), tọa lạc tại phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
4. Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 17/8/2016 giữa bên tặng cho ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1, ông Lê Vũ Trí N4 với bên được tặng cho ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1 tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 9, diện tích 98,6m² (đất thổ), tọa lạc tại phường H.T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
5. Đình chỉ đối với yêu cầu của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N về việc yêu cầu xác lập tài sản chung trong hộ.
6. Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp thu hồi quyền sử dụng đất đối với diện tích 98.6m² (đất ở đô thị) thuộc thửa số 64, tờ bản đồ số 09, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Lê Văn N, bà Vũ Thị N1 đứng tên ngày 31/8/2016 để cấp lại cho những người thừa kế của ông Lê Văn N gồm: Bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Trí N4, Lê Vũ Đạt N2, Lê Vũ Toại N3 đứng tên theo quy định của pháp luật.
7. Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - 7.1. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N là bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Trí N4, anh Lê Vũ Toại N3, anh Lê Vũ Đạt N2 phải cùng chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Lê Văn N và bà Vũ Thị N1 đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 08421 ngày 14/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm).
 - 7.2. Bà Nguyễn Phương T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Phương T số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000124 ngày 13/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp.
 - 7.3. Hoàn trả lại cho bà Vũ Thị N1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0009114 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp.

7.4. Hoàn trả lại cho anh Lê Vũ Trí N4 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0009113 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, Đồng Tháp.

8. Về chi phí tố tụng: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn N là bà Vũ Thị N1, anh Lê Vũ Trí N4, anh Lê Vũ Toại N3, Lê Vũ Đạt N2 phải chịu 1.591.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (ông N, bà N1 đã tạm ứng và đã chi xong).

9. Các phần khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thành phố C;
- CCTHADS thành phố C;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Giao